

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18-01-2024
V/v tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Tiềm.

Ông Huỳnh Ngọc Trứ.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Lê Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Trần Quốc V – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc “Xin ly hôn, nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Bùi Văn V1, sinh năm 1981; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1989; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số C, Đường C, Khu phố B, Phường E, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 17/10/2023, biên bản hòa giải, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn anh Bùi Văn V1 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng anh V1 tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 26/10/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, tỉnh Tiền Giang (nay là Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng gay gắt. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau,

thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cãi vã nhiều làm cho cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc.

Vì không muốn hạnh phúc gia đình bị đổ vỡ ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của con, nên tôi luôn nhường nhịn, dung hoà với chị **D** với hy vọng sẽ hàn gắn được tình cảm vợ chồng, thời gian qua dù đã cố gắng rất nhiều nhưng cuộc sống của vợ chồng tôi không có hạnh phúc, mà trái lại mâu thuẫn vợ chồng tôi ngày càng gay gắt. Hiện tại mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được tình cảm vợ chồng tôi không còn khả năng hàn gắn được nữa. Tôi yêu cầu Tòa án cho tôi ly hôn với chị **Nguyễn Thị Thùy D**.

- Về con chung: Có 03 con chung tên **Bùi Nguyễn Thành T** sinh ngày 16/9/2007, **Bùi Thị Bích H** sinh ngày 01/4/2009 và **Bùi Ngọc Ánh K** sinh ngày 08/4/2016. Khi ly hôn, anh **V1** anh **V1** đồng ý giao 03 con chung cho chị **D** trực tiếp nuôi dưỡng và anh **V2** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/01 con/01 tháng, cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị **Nguyễn Thị Thùy D không có ý kiến và vắng mặt từ khi thụ lý vụ án và quá trình hòa giải, kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và tham dự phiên tòa sơ thẩm dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị **D** vắng mặt.*

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân **thị xã C, tỉnh Tiền Giang** phát biểu:

- Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy anh **Bùi Văn V1** và chị **Nguyễn Thị Thùy D**, có đăng ký kết hôn ngày 26/10/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn **C**, tỉnh Tiền Giang (nay là Ủy ban nhân dân Phường **A**, thị xã **C**, tỉnh Tiền Giang). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng gay gắt. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cãi vã nhiều làm cho cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc.

Hiện tại mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng tôi không còn khả năng hàn gắn được nữa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh **V1** cho anh **V1** được ly hôn với chị **Nguyễn Thị Thùy D**.

- Về con chung: Nhận thấy chị **D** đang nuôi dưỡng con chung, các con chung cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ và anh **V1** đồng ý giao 03 con chung cho chị **D** tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/01 con/01 tháng, cho đến khi các con đủ 18 tuổi của anh **V1**.

- Về tài sản chung: Anh **V1** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về nợ chung: Anh **V1** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh **Bùi Văn V1** khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung với chị **Nguyễn Thị Thùy D**, căn cứ Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con”.

[2] Về thẩm quyền: Xét thấy chị **Nguyễn Thị Thùy D** có địa chỉ: **Khu phố 2, Phường E, thị xã C, tỉnh Tiền Giang**, theo quy định tại khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập lần thứ 02 hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng các mặt các đương sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Anh **V1** và chị **D** tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 26/10/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn **C**, tỉnh Tiền Giang (nay là Ủy ban nhân dân Phường **A**, thị xã **C**, tỉnh Tiền Giang). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng gay gắt do vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không biết quan tâm chia sẻ trong cuộc sống, làm cho cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc.

Anh **V1** đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Hiện tại mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng tôi không còn khả năng hàn gắn được nữa. Anh **V1** yêu cầu Tòa án cho chị ly hôn với chị **Nguyễn Thị Thùy D**.

Qua lời trình bày của anh **V1**, cho thấy chị **D** đã vi phạm quyền và nghĩa vụ về nhân thân hai vợ chồng ly thân không chung sống với nhau, không có tình nghĩa vợ chồng, không quan tâm đến cuộc sống chung, cùng chăm lo nuôi dạy chăm sóc con chung, xét thấy nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không hạnh phúc, do không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh **V1** xin ly hôn với chị **D** là có căn cứ, cần ghi nhận cho anh **V1** được ly hôn với chị **D**.

[5] Về con chung: Anh **V1** và chị **D** có 03 con chung tên **Bùi Nguyễn Thành T** sinh ngày 16/9/2007, **Bùi Thị Bích H** sinh ngày 01/4/2009 và **Bùi Ngọc Ánh K** sinh ngày 08/4/2016. Khi ly hôn, anh **V1** anh **V1** đồng ý giao 03 con chung cho chị **D** trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện tại 03 con chung còn nhỏ trong độ tuổi ăn học, cần có sự nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc và gần gũi với các cháu, hiện tại 03 cháu đang sống với mẹ, ngoài ra các con chung cũng có nguyện vọng sống chung với chị **D** nên để đảm bảo đời sống, sinh hoạt không bị xáo trộn, ảnh hưởng đến

tinh thần sự phát triển của các cháu. Xét thấy yêu cầu của anh **V1** về việc giao con chung cho chị **D** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **V1** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/01 con/01 tháng, cho đến khi các con đủ 18 tuổi không, xét thấy đây là ý chí tự nguyện của anh **V1**, không trái đạo đức xã hội, không trái quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **V1**.

[10] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Về án phí: Anh **V1** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, theo quy định Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, Điều 147, , 227, 228, 244, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 53, 56, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Bùi Văn V1**.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh **Bùi Văn V1** được ly hôn với chị **Nguyễn Thị Thùy D**.

- Về quan hệ con chung:

+ Giao cho chị **Nguyễn Thị Thùy D** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc ba cháu tên: **Bùi Nguyễn Thành T** sinh ngày 16/9/2007, **Bùi Thị Bích H** sinh ngày 01/4/2009 và **Bùi Ngọc Ánh K** sinh ngày 08/4/2016, hiện cháu **T**, cháu **H** và cháu **K** đang sống với chị **D**.

+ Anh **Bùi Văn V1** cấp dưỡng nuôi con chung: 1.000.000 đồng/01 con/01 tháng, cho đến khi con trưởng thành, có khả năng lao động.

+ Anh **V1** được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác

- Về nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí:

Anh **Bùi Văn V1** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018756 ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, nên anh **V1** phải nộp thêm 300.000 đồng án phí.

Chị **Nguyễn Thị Thùy D** không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Anh **Bùi Văn V1** và chị **Nguyễn Thị Thùy D** được quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- CCTHADS thị xã Cai Lậy.
- UBND thị trấn Cái Nhum;
- UBND Phường 1;
- Các đương sự
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Hiệp